

Số: 136/2020/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 31 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao năm 2018;

Xét Tờ trình số 147/TTr-UBND, ngày 15 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 655/BC-VHXXH ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Sơn La.

1. Đối tượng áp dụng

1.1. Huấn luyện viên, Vận động viên thể thao tỉnh Sơn La.

1.2. Vận động viên thể thao thành tích cao sau khi thôi tập trung huấn luyện, đào tạo trở về địa phương.

2. Mức hỗ trợ (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương đảm bảo

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thay thế Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 25/2012/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2012 của HĐND tỉnh quy định chế độ đặc thù đối với Vận động viên, Huấn luyện viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tỉnh Sơn La.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp lần thứ 14 thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH; Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy; Thành ủy; HĐND-UBND huyện, TP;
- TT Đảng ủy; HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Linh.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN,
VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Nghị quyết số 136/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh)

Ngoài mức khen thưởng quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về một số chế độ đối với Huấn luyện viên, Vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu thì Huấn luyện viên, Vận động viên được tính hỗ trợ thêm như sau:

I. ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN

Mức hỗ trợ đối với Huấn luyện viên đào tạo Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, khu vực, toàn quốc, quốc tế mở rộng, quốc tế được tính như sau:

1. Đối với thi đấu cá nhân

	Huy chương thứ 1	Huy chương thứ 2 - 4	Huy chương thứ 5 trở lên
Huấn luyện viên đào tạo vận động viên lập thành tích	Bằng 100% mức giải cá nhân tương ứng quy định tại Khoản 1 Mục II Phụ lục này	Bằng 50% mức giải cá nhân tương ứng quy định tại Khoản 1 Mục II Phụ lục này	Bằng 30% mức giải cá nhân tương ứng quy định tại Khoản 1 Mục II Phụ lục này

Tỷ lệ phân chia được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện Vận động viên lập thành tích được hưởng 60% giá trị mức hỗ trợ tại Khoản 1 Mục I Phụ lục này. Huấn luyện viên đào tạo Vận động viên ở cơ sở trước khi được triệu tập đội tuyển lập thành tích được hưởng 40% giá trị mức hỗ trợ tại Khoản 1 Mục I Phụ lục này (*Áp dụng cho cả Huấn luyện viên có Vận động viên phá kỷ lục*).

2. Đối với thi đấu tập thể

- Mức hỗ trợ được tính như sau:

Đội thuộc những môn quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu	Đội thuộc những môn quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu	Đội thuộc những môn quy định từ 13 vận động viên trở lên tham gia thi đấu
Tính 01 Huấn luyện viên nhân với giải cá nhân tương ứng theo quy định tại Khoản 1 Mục II Phụ lục này	Tính 02 Huấn luyện viên nhân với giải cá nhân tương ứng theo quy định tại Khoản 1 Mục II Phụ lục này	Tính 03 Huấn luyện viên nhân với giải cá nhân tương ứng theo quy định tại Khoản 1 Mục II Phụ lục này

- Đạt cờ toàn đoàn, Huấn luyện viên được hỗ trợ 50% giá trị giải tương ứng của cờ toàn đoàn (*hỗ trợ chung cho các Huấn luyện viên*).

II. ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Giải cá nhân

1.1. Giải quốc tế

Đơn vị tính: Đồng/giải

STT	Nội dung	Giải nhất	Giải nhì	Giải ba
1	Đại hội thể thao thế giới (Olympic)	100.000.000	80.000.000	60.000.000
2	Đại hội thể thao Châu Á (Asiad)	70.000.000	40.000.000	20.000.000
3	Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	25.000.000	20.000.000	15.000.000
4	Vô địch thế giới hoặc cúp thế giới các môn nhóm I	40.000.000	30.000.000	20.000.000
5	Vô địch thế giới hoặc cúp thế giới các môn nhóm II và III	25.000.000	15.000.000	10.000.000
6	Vô địch Châu Á hoặc cúp Châu Á từng môn nhóm I	25.000.000	15.000.000	10.000.000
7	Vô địch Châu Á hoặc cúp Châu Á từng môn nhóm II và III, Đại hội thể thao bãi biển Châu Á, Đại hội thể thao trong nhà Châu Á	15.000.000	10.000.000	7.000.000
8	Giải Vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I	15.000.000	10.000.000	7.000.000
9	Giải Vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm II và III	10.000.000	7.000.000	5.000.000

1.2. Giải Quốc gia

Đơn vị tính: Đồng/giải

STT	Nội dung	Giải nhất	Giải nhì	Giải ba
1	Đại hội TDTT toàn quốc	15.000.000	10.000.000	7.000.000
2	Giải Vô địch toàn quốc, quốc tế mở rộng	10.000.000	7.000.000	5.000.000
3	Giải vô địch trẻ toàn quốc, Cúp câu lạc bộ toàn quốc (thành tích cao)	5.000.000	3.000.000	2.000.000
4	Giải vô địch thiếu niên, nhi đồng toàn quốc; thiếu niên, trẻ xuất sắc; các nhóm tuổi toàn quốc; Vô địch học sinh toàn quốc	4.000.000	3.000.000	1.500.000
5	Giải thể thao quần chúng khu vực, toàn quốc; các giải khác tương đương	3.000.000	2.000.000	1.500.000

1.3. Giải cấp tỉnh, cấp huyện

Đơn vị tính: Đồng/giải

STT	Nội dung	Giải nhất	Giải nhì	Giải ba
1	Đại hội TDTT cấp tỉnh	3.000.000	2.500.000	2.000.000
2	Giải cấp tỉnh từng môn thể thao, Hội khỏe phù đồng	2.000.000	1.500.000	1.000.000
3	Giải cấp huyện từng môn thể thao, Đại hội TDTT, Hội khỏe phù đồng	800.000	600.000	400.000

1.4. Các danh hiệu cá nhân của các môn bóng đá, bóng chuyền

Mức hỗ trợ bằng giải nhất cá nhân tương ứng (*chỉ áp dụng cho Giải thể thao cấp tỉnh tổ chức*); vận động viên phá kỷ lục được hỗ trợ 30% giá trị giải nhất tương ứng quy định tại Mục II Phụ lục này.

2. Giải tập thể

- Các môn Bóng đá, Bóng chuyền: Mức hỗ trợ bằng số lượng Vận động viên theo quy định của Điều lệ giải nhân với mức hỗ trợ giải cá nhân tương ứng quy định tại Khoản 1, Mục II Phụ lục này.

- Các môn tập thể khác:

+ Môn có từ 03 - 06 vận động viên; giải toàn đoàn: Mức hỗ trợ gấp bốn lần giải cá nhân tương ứng.

+ Môn có từ 07 vận động viên trở lên: Mức hỗ trợ gấp sáu lần giải cá nhân tương ứng.

- Giải phong cách của môn bóng đá: Mức hỗ trợ bằng 2/3 giải ba tập thể của môn thể thao tương ứng.

III. MỨC HỖ TRỢ TRANG PHỤC VÀ SINH HOẠT PHÍ CHO HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO TỈNH SƠN LA

1. Tiền trang phục

1.1. Huấn luyện viên

- Huấn luyện viên của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh, Trung tâm Truyền thông Văn hóa huyện, thành phố: 01 năm được trang bị 01 bộ trang phục mùa hè trị giá không quá 800.000 đồng/người; 02 năm được trang bị 01 bộ trang phục mùa đông trị giá không quá 1.200.000 đồng/người.

1.2. Vận động viên

- Trong thời gian tập luyện: Được trang bị 02 bộ trang phục tập luyện trị giá không quá 800.000 đồng/người/năm (*các môn phải sử dụng trang phục đặc thù như: Võ thuật, bóng đá, điền kinh, xe đạp..., theo yêu cầu chuyên môn thì thanh toán theo giá thị trường và phải được sự nhất trí của cơ quan chủ quản*).

- Trong thời gian thi đấu: Được trang bị 02 bộ trang phục thi đấu trị giá không quá 1.000.000 đồng/người/năm (các môn phải sử dụng trang phục đặc thù như: võ thuật, giấy bóng đá, giấy điền kinh, xe đạp.... theo yêu cầu chuyên môn thì thanh toán theo giá thị trường và phải được sự nhất trí của cơ quan chủ quản).

- Sau khi kết thúc giải Vận động viên được sở hữu bộ trang phục tập luyện và thi đấu đã được trang bị.

2. Hỗ trợ tiền sinh hoạt phí cho vận động viên được Tổng cục Thể dục thể thao và các Liên đoàn thể thao công nhận đẳng cấp quốc gia (hưởng 12 tháng/đẳng cấp. Vận động viên chỉ được hưởng 01 đẳng cấp cao nhất); Hỗ trợ, khuyến khích Vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia.

Đơn vị tính: Đồng/người/tháng

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ
1	Vận động viên kiện tướng quốc gia	2.000.000
2	Vận động viên cấp I	1.500.000
3	Vận động viên đào tạo tập trung	1.000.000
4	Vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia	5.000.000
5	Vận động viên được triệu tập vào đội tuyển trẻ quốc gia	3.000.000

3. Hỗ trợ Vận động viên thành tích cao sau khi thôi tập trung huấn luyện đào tạo trở về địa phương

Đơn vị tính: Đồng

Số năm đào tạo	Dưới 5 năm	Từ 5 - 7 năm	Trên 7 năm - 10 năm	Trên 10 năm
Mức hỗ trợ	5.000.000	8.000.000	10.000.000	15.000.000